

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26- 6-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thuận

2. Bà Trần Thị Phúc Tuệ

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên toà số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Quốc C, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 5 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Hương G, sinh năm 1997

Nơi ĐKNKTT: Thôn 5 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Nơi tạm trú: Số nhà 08C/16 khu dân cư 434 B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/02/2019, bản tự khai ngày 28/3/2019 và tại phiên toà, anh Trần Quốc C trình bày: Anh và chị Đinh Thị Hương G kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn 5 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 2 năm đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 2 năm 2017 chị G bỏ đi

vào tỉnh Bình Dương làm ăn, sinh sống với người khác và không về nhà nữa. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay đã 2 năm. Trong thời gian ly thân, anh C và chị G không liên lạc với nhau và chị G cũng không quan tâm đến con và gia đình. Hiện tại anh C vẫn ở tại xã T, huyện T còn chị G vào miền Nam làm ăn và tạm trú tại số nhà 08C/16 khu dân cư 434 B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng cho đến nay thực sự không còn nên anh C có nguyện vọng xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Đình Phương D, sinh ngày 01/10/2014. Hiện tại con đang ở với anh C. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến khi con trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá sau khi thụ lý vụ án đã triệu tập các đương sự nhiều lần đến tại trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hoà giải cho các đương sự, nhưng chỉ có mặt nguyên đơn anh Trần Quốc C, còn phía bị đơn chị Đinh Thị Hương G vắng mặt nên không thể tiến hành hoà giải theo thủ tục được. Anh Trần Quốc C cung cấp thông tin cho Tòa án biết hiện tại chị Đinh Thị Hương G đang làm ăn tại tỉnh Bình Dương và tạm trú tại: số nhà 08C/16 khu dân cư 434 B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ngày 08/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã có công văn và Quyết định uỷ thác thu thập chứng cứ gửi Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương thực hiện việc uỷ thác thu thập chứng cứ, tiến hành lấy lời khai đối với chị Đinh Thị Hương G để có căn cứ giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã thực hiện việc uỷ thác của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2019, chị Đinh Thị Hương G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc C sau thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình vào năm 2014 và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau một thời gian chung sống, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp, bất đồng lẫn nhau dẫn đến đời sống hôn nhân không hoà hợp. Hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay chị G sinh sống và làm việc tại địa chỉ: Số nhà 08C/16 khu dân cư 434 B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nay anh C có yêu cầu ly hôn, chị G đồng ý vì cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Theo lời khai của chị Đinh Thị Hương G, vợ chồng có một con chung tên là Trần Đình Phương D, sinh ngày 01/10/2014 đang sống cùng với anh C. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được chăm sóc và trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Theo lời trình bày củ chị G, vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên chị G không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện tại do điều kiện ở xa và bận công việc không về được nên chị G đề nghị Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá xét xử vắng mặt chị và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử của Toà án. Chị G cam kết không có thắc mắc, khiếu nại gì về việc giải quyết vụ án và nhất trí với phán quyết của Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc C và chị Đinh Thị Hương G kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Bước đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình; giữa vợ chồng thiếu sự đồng cảm với nhau dẫn tới thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2017 cho đến nay. Hai bên bỏ mặc, không ai quan tâm đến nhau và cũng không liên lạc với nhau. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, hai bên đã sống ly thân với nhau nên không thể hàn gắn trở lại. Nếu duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không có lợi cho cả hai phía, do đó nguyện vọng xin ly hôn của anh C là hoàn toàn chính đáng. Mặt khác, chị Đinh Thị Hương G có đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt chị đồng thời chị cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh C. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 để xử cho anh C được ly hôn vắng mặt chị G là phù hợp.

[2] Về con chung của vợ chồng: Anh Trần Quốc C và chị Đinh Thị Hương G thừa nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Đình Phương D, sinh ngày 01/10/2014. Hiện tại con đang ở với anh C. Anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến lúc con trưởng thành. Chị G cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đến lúc con trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh C là chính đáng. Vì quá trình chị G vào làm ăn ở miền Nam từ tháng 2 năm 2017 đến nay, con ở với anh C và được anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác chị G đi làm ăn xa không có điều kiện để trực tiếp nuôi con nên nguyện vọng nuôi con của chị G không phù hợp với điều kiện hiện tại. Mặt khác để ổn định cuộc sống của cháu cần giao cho anh C trực tiếp nuôi con là phù hợp. Tại bản tự khai ngày 28/3/2019 anh C yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nhưng tại phiên toà, anh C không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên để đảm bảo

quyền lợi chính đáng của con, chị G cần phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con trưởng thành. Vì vậy cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Đình Phương D, sinh ngày 01/10/2014 cho anh Trần Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đinh Thị Hương G có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2019 đến khi con đủ 18 tuổi để đảm bảo quyền lợi của cháu theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Anh Trần Quốc C và chị Đinh Thị Hương G đều thừa nhận không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quốc C đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0003760 ngày 04 tháng 3 năm 2019, nay phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị Hương G phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

[5] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã tiến hành hỏi đúng thứ tự và nguyên tắc. Đối với Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Về phía các đương sự, nguyên đơn anh Trần Quốc C có mặt chấp hành pháp luật, hợp tác với Tòa án. Bị đơn chị Đinh Thị Hương G trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt, nhưng tại bản tự khai đã đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị G trong các buổi làm việc và xét xử vắng mặt chị G tại phiên toà đồng thời nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh Trần Quốc C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xử: Anh Trần Quốc C ly hôn vắng mặt chị Đinh Thị Hương G.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình xử giao con là Trần Đình Phương D, sinh ngày 01/10/2014 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Áp dụng Điều 107, Điều 110 và Điều 116 buộc chị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến lúc con trưởng thành.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Trần Quốc C và chị Đinh Thị Hương G thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quốc C phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị Hương G phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

Từ những căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xử anh Trần Quốc C được ly hôn vắng mặt chị Đinh Thị Hương G.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Giao cho anh Trần Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con là Trần Đình Phương D, sinh ngày 01/10/2014. Buộc Chị Đinh Thị Hương G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2019 đến khi cháu Trần Đình Phương D đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con, một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quốc C phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Anh Trần Quốc C đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0003760 ngày 04 tháng 3 năm 2019, nay được khấu trừ toàn bộ. Vậy anh C đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị Hương G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố anh Trần Quốc C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với chị Đinh Thị Hương G thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hoá;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đoàn Thị Bích Thuỷ